

Số: *14* /2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *27* tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác
theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ
về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác,
sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm, hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý
vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành
pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;*

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 971/TTr-STP ngày 24 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

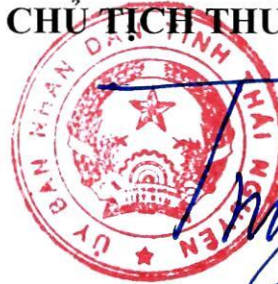
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 và thay thế Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật);
 - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ tỉnh;
 - các sở, ban, ngành, đoàn thể;
 - Báo Thái Nguyên, Đài PT-TH;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - UBND các xã, phường, thị trấn;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - TTTT tỉnh (Đăng công báo);
 - Lưu: VT, NC.
- DungDQ\QDD19/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Xuân Trường



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số **14** /2023/QĐ-UBND ngày **27** tháng **6** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh.
- Người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền lập biên bản.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Bảo đảm công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả.
- Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan.

Điều 4. Các hoạt động phối hợp

- Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

6. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Giải quyết, kiểm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức.

Điều 5. Các hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức các hoạt động liên ngành; sơ kết, tổng kết.

3. Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Biên soạn tài liệu; tổ chức tọa đàm, hội nghị, tập huấn.

5. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp đề xuất xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về xử lý vi phạm hành chính.

c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị, địa phương; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn hoặc gửi kiến nghị đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

d) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp:

a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại ngành, đơn vị, địa phương; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Nội dung phối hợp:

a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

c) Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến pháp luật; tập huấn chuyên sâu và tập huấn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị quản lý.

3. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính; điều phối lực lượng Báo cáo viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 8. Phối hợp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp cùng Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hằng năm theo quy định.

b) Cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

2. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

b) Căn cứ Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm của tỉnh, xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định kiểm tra; trong đó, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành với sự tham gia của đại diện một số sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan (nếu có).

c) Tham mưu, giúp Đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của đơn vị phục vụ công tác kiểm tra.

3. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra:

a) Phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra.

c) Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành trong kết luận kiểm tra.

d) Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

Điều 9. Tiếp nhận xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi địa bàn quản lý của mình tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 11. Phối hợp thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định kỳ hàng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (*qua Phòng Tư pháp*) vào ngày 15 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh gửi Báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp chậm nhất vào ngày 21 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 12. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của người lập biên bản vi phạm hành chính; thủ trưởng cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì lập hồ sơ xử phạt và chuyển hồ sơ xử phạt đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định. Hồ sơ gồm có: Biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; văn bản tham mưu trình người có thẩm quyền xử phạt do thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính đề xuất; dự thảo Quyết định xử phạt và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

c) Thực hiện việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

d) Tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi được người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính giao trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt).

đ) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính, người lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính và thực hiện việc tổ chức giải trình theo quy định.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trong trường hợp cần thiết, đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản giao cho sở, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát hồ sơ xử phạt trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách cấp theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quy chế và theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và mọi công dân giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.